TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2022/DS-PT
Ngày: 12-9-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy.

Bà Đỗ Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2022/QĐXXPT-DS ngày 03tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị C.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị C: Bà Nguyễn Thị Bích N; cư trú tại: Khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2021); có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Ng; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Bích N; có mặt.

Cùng cư trú tại: Khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh B.

4. Bà Nguyễn Thị Bích P; cư trú tại: Khu phố T, thị trấn C, huyện P, tỉnh B; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Bích H; cư trú tại: Khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh B (chết năm 2021).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H:

1. Ông Nguyễn Văn T.

2. Bà Nguyễn Thị Bích L.

3. Ông Nguyễn Văn T.

4. Ông Nguyễn Văn Ng.

5. Bà Nguyễn Thị Bích V.

6. Bà Nguyễn Thị Bích T.

Cùng cư trú tại: Khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh B.

7. Bà Nguyễn Thị Bích D; cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của ông T, bà L, bà T, bà D, ông T, ông Ng và bà V: Bà Hồ Thị H; cư trú tại: Khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2021 và ngày 13/01/2022); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị M; cư trú tại: Khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh B; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Thanh H; cư trú tại: Tổ 1, khu vực 7, phường N, TP. Q, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại: Tổ 1, khu vực 7, phường N, TP. Q, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/9/2020); có mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu T; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thanh H; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị M; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị L; vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn N; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Văn S; vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Văn B; vắng mặt.

9. Ông Nguyễn T; vắng mặt.

10. Bà Lữ Thị Kim P; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu phố Phú H, thị trấn C, huyện P, tỉnh B.

11. Bà Nguyễn Thị C; cư trú tại: Thôn Lý H, xã N, TP. Q, tỉnh B; vắng mặt.

12. Bà Đoàn Thị E; vắng mặt.

13. Ông Nguyễn Quốc T; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số 1002 đường T, phường Đ, TP. Q, tỉnh B.

14. Ông Nguyễn Anh T; cư trú tại: Tổ 5, khu vực 7, phường N, TP. Q, tỉnh B; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị C là các đồng nguyên đơn và ông Nguyễn Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị Bích Ng, bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị Bích P thống nhất trình bày:

Cha, mẹ các bà là cụ Nguyễn C và cụ Lê Thị K sinh được 09 người con là: Nguyễn Thị C, Nguyễn Xuân L (chết năm 2019), Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn T (chết năm 1999), Nguyễn Thị Bích H (chết năm 2021), Nguyễn Thị Bích Ng, Nguyễn Thị Bích N. Cụ K chết ngày 30/6/1993, cụ C chết ngày 03/8/2003, các cụ chết không để lại di chúc. Khi còn sống, trước năm 1993 vợ chồng cụ C, cụ K có tạo lập được 01 thửa đất trên đó xây dựng 01 ngôi nhà tại khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh B. Năm 1993 Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, khuôn vườn nói trên Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn C tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 00476/QSDĐ, số thửa 500, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.520m^2(trong đó 200m^2 đất ở, 1.320m^2 đất vườn). Sau khi 02 cụ qua đời, ngôi nhà xuống cấp, vợ chồng ông Nguyễn Xuân L và bà Huỳnh Thị M con trai cả hai cụ có tu sửa lại nhà, con cháu đi về ngôi nhà đó thắp hương ông bà. Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa giải quyết chia thừa kế theo pháp luật thửa đất nói trên, xin nhận kỷ phần bằng hiện vật là đất. Riêng ngôi nhà hai cụ vợ chồng ông Lang có công tu sửa, các đồng nguyên đơn thống nhất không yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà, để ngôi nhà cho gia đình vợ con ông Lang sở hữu. Sau khi hai cụ qua đời, vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Lữ Thị Kim P con trai ông L tự ý xây nhà, trồng cây để cây cảnh, đổ đất nâng vườn trên thửa đất nói trên khi chưa được sự đồng ý của những đồng thừa kế. Các nguyên đơn yêu cầu Tòa buộc vợ chồng ông B, bà P phải tháo dỡ, di dời ra khỏi thửa đất toàn bộ các công trình tự ý xây, cây cối tự ý trồng, số đất cát tự ý đổ nâng nền trên thửa đất trên để trả lại mặt bằng thửa đất như cũ và sau khi được nhận kỷ phần thừa kế, các đồng nguyên đơn thống nhất mỗi người cho ông Nguyễn Xuân L 40.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Hữu T 40.000.000 đồng để thờ cúng ông bà.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Hoa là bà Hồ Thị H trình bày:

Các ông bà T, L, T, D, T, Ng và V thống nhất yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về chia thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng cụ C, cụ K là thửa đất nói trên và yêu cầu được nhận bằng hiện vật là đất.

Bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà M là vợ ông Nguyễn Xuân L, là dâu cụ C, cụ K. Nguồn gốc thửa đất các đồng nguyên đơn kiện chia thừa kế là đất ông bà phía chồng bà để lại cho cha mẹ chồng bà. Cha mẹ chồng bà chết để lại nhà, đất cho vợ chồng bà ở thờ cúng ông bà, tuy để miệng, không có giấy tờ nhưng thửa đất nay thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà, bà không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn. Hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cha chồng bà (Nguyễn C) bà đang quản lý. Trên thửa đất trên trước đây có 01 ngôi nhà của vợ chồng cụ Cúc, cụ Khôn. Sau khi 02 cụ qua đời, nhà xuống cấp, vợ chồng bà tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà xây lại nhà mới, có sự đóng góp công sức, tiền của con trai bà là Nguyễn Văn B nên ngôi nhà này nay thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông thống nhất như trình bày của các nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của cha, mẹ và di sản của cha mẹ để lại. Thửa đất các đồng nguyên đơn đang yêu cầu chia thừa kế nói trên là đất của cha, mẹ ông do ông bà để lại, cha mẹ ông chết, nhà, đất đó để làm nơi thờ cúng ông bà. Nay với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông yêu cầu Tòa giải quyết theo pháp luật, bản thân ông không tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H và người đại diện hợp pháp của ông H là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Thống nhất như trình bày của các nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của cha, mẹ và di sản của cha mẹ để lại. Nay với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông yêu cầu Tòa giải quyết theo pháp luật và yêu cầu nhận một phần đất ở mặt đường để về quê xây nhà ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông là con ông L, bà M và là cháu nội cụ C, cụ K. Thửa đất các đồng nguyên đơn kiện chia thừa kế nguồn gốc ông bà để lại cho ông bà nội ông, ông bà nội qua đời để nhà, đất lại cho cha mẹ ông ở thờ cúng ông bà, việc để lại đất không có giấy tờ. Trên thửa đất trên có 01 ngôi nhà do 02 cụ tạo lập, sau khi hai cụ qua đời, nhà xuống cấp, cha mẹ ông tháo dỡ, xây lại nhà mới, ông có đóng góp tiền xây nhà. Hiện ông có trồng, để một số cây cảnh trên đất nói trên. Ông không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn vì để nhà, đất đó làm nhà từ đường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà C, bà L là cháu nội cụ C, cụ K. Các bà không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn và để nhà, đất đó làm nơi thờ cúng ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ông là con ông Nguyễn T và là cháu nội cụ C, cụ K. Ông đồng ý yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn, đề nghị chia theo pháp luật và xin được nhận đất.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là các ông bà: H, M, L, N, S, T, E, T, P Tòa án cấp sơ thẩm không lấy được lời khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh B đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 500 - Tờ bản đồ số 6 (theo bản đồ Vlap là thửa số 14 - tờ bản đồ 37) - có diện tích thực tế 1.894,3m^2, 200m^2 đất ở, 1.694,3m^2 đất vườn - Địa chỉ thửa đất tại khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến, huyện P, tỉnh B là di sản của vợ chồng cụ Nguyễn C, Lê Thị K.

Trị giá thửa đất 10.300.000.000 đồng, chia đều cho 09 người con của cụ Cúc, cụ K: Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị Bích Ng, bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Xuân L, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn T mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế tương đương 1/9 giá trị thửa đất: 1.144.444.444 đồng.

Chia thửa đất nói trên ra thành 05 lô được đánh số thứ tự: Lô 01, lô 02, lô 03, lô 04, lô 05 (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

Giao ông Nguyễn Xuân L được quyền sử dụng lô đất số 04 diện tích 394,6m^2 gồm 40m^2 đất ở, 354,6m^2 đất vườn, trị giá: 2.145.583.834 đồng. Giao cho ông Lang được quyền sở hữu ngôi nhà của vợ chồng cụ C, cụ K nằm trên lô đất số 04 diện tích xây dựng 43,8m^2. Ông L chết, vợ và 08 người con ông Lang: Bà Huỳnh Thị M, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị C được quyền thừa kế đồng quyền sử dụng lô đất số 04, đồng quyền sở hữu ngôi nhà nói trên của vợ chồng cụ C, cụ K.

Giao ông Nguyễn Hữu T được quyền sử dụng lô đất số 03 diện tích 406,4m^2 (40m^2 đất ở, 366,4m^2 đất vườn) trị giá: 2.209.744.729 đồng. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn B - bà Lữ Thị Kim P phải tháo dỡ ngôi nhà quán diện tích xây dựng 37,9m^2, 01 nhà ở phía sau diện tích xây dựng 19,8m^2, 01 mái hiên nối liền giữa nhà quán, nhà sau diện tích 14,4m^2 do vợ chồng ông B - bà P tự ý xây trên lô đất số 03 để trả lại mặt bằng lô đất số 03 cho ông T sử dụng.

Giao ông Nguyễn Thanh H được quyền sử dụng lô đất số 05 diện tích 364m^2 (gồm 40m^2 đất ở, 324m^2 đất vườn) giá trị: 1.979.200.496 đồng.

Giao ông Nguyễn T được quyền sử dụng lô đất số 01 diện tích 340m^2 (40m^2 đất ở, 300m^2 đất vườn) giá trị: 1.848.703.760 đồng. Ông T chết, vợ và các con ông T: Bà Đoàn Thị E, ông Nguyễn Quốc T, ông Nguyễn Anh T thừa kế được quyền sử dụng lô đất số 01.

Giao cho 05 người con gái con cụ C, cụ K gồm: Bà C, bà H, bà N, bà N, bà P được đồng quyền sử dụng lô đất số 02 diện tích 345,6m^2 (40m^2 đất ở, 305,6m^2 đất vườn) giá trị: 1.879.152.998 đồng.

Buộc bà M, ông H, bà M, bà L, ông N, ông S, ông B, ông T, bà C là vợ và các con ông Lang có trách nhiệm liên đới thanh toán lại cho bà C, bà H, bà Ng, bà N, bà P mỗi bà: 200.227.878 đồng.

Buộc ông Nguyễn Hữu T thanh toán lại cho bà C, bà H, bà Ng, bà N, bà P mỗi bà: 213.060.057 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thanh H thanh toán lại cho bà C, bà H, bà Ng, bà N, bà P mỗi bà: 166.951.210 đồng.

Buộc bà Đoàn Thị E, ông Nguyễn Quốc T, ông Nguyễn Anh T là vợ và con ông T có trách nhiệm liên đới thanh toán lại cho bà C, bà H, bà Ng, bà N, bà P mỗi bà: 140.851.863 đồng.

Buộc bà C, bà H, bà Ng, bà N, bà P mỗi bà cho ông Nguyễn Xuân L 40.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Hữu T 40.000.000 đồng sau khi các bà đã nhận đủ giá trị kỷ phần các bà được thừa kế. Số tiền ông L được cho, vợ và các con ông L: Bà M, ông H, bà M, bà L, ông N, ông S, ông B, ông T, bà C được đồng quyền sở hữu.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn B - bà Lữ Thị Kim P phải di dời ra khỏi thửa đất số 500 - Tờ bản đồ số 6 nói trên toàn bộ số cây cảnh tự trồng, tự để và số đất, cát tự đổ nâng nền trên thửa đất để trả lại mặt bằng thửa đất cho các đồng thừa kế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết địnhvề án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 07/4/2022, ông Nguyễn Thanh H và ngày 11/4/2022, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích N kháng cáo yêu cầu được giảm tiền án phí.

Ngày 29/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 267/QĐ-VKS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B sửa Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số: 267/QĐ-VKS ngày 29/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Bích N. Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, HĐXX thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có vi phạm như sau: Bà Nguyễn Thị H chết trước ngày xét xử sơ thẩm, nghĩa là bà H không còn là Đương sự trong vụ án, mọi quyền, nghĩa vụ của bà H đã được chuyển giao cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là chồng, con bà Hoa gồm: ông T, bà L, bà T, bà D, ông T, ông Ng và bà V theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng cấp sơ thẩm vẫn tuyên xử cho bà H được hưởng quyền lợi và phải thực hiện nghĩa vụ như một trong những đương sự trong vụ án, mà không đề cập đến quyền, nghĩa vụ của những người những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng nêu trên của bà H nên việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ và các đương sự khác, cũng như không thể thi hành được bản án vì bà H đã chết.

[2] Ngoài ra cấp sơ thẩm còn có những thiếu sót cần phải khắc phục như: Không áp dụng án lệ về xem xét công sức bảo quản, tôn tạo di sản của gia đình ông L. Ông T chết trước cụ C và chết sau cụ K thì lẽ phải chia thừa kế trước 100m^2 đất ở là phần của cụ K trong 200m^2 ở của cụ C và cụ K (đất ở không được cân đối giao quyền sử dụng theo Nghị định 64/CP), nhưng cấp sơ thẩm lại nhập chung toàn bộ đất ở, đất vườn và chia đều là không đúng. Ông T chết trước cụ C thì chỉ có các con ông T được thừa kế thế vị của cụ C. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại cho cả bà E là vợ ông Thanh được hưởng thừa kế như các con ông T đối với phần di sản của cụ C, là không đúng quy định tại Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Bích P và ông Nguyễn Thanh H là người cao tuổi, nhưng cấp sơ thẩm không cho họ được miễn án phí là không đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Như vậy, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khác, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích N và Kháng nghị số: 267/QĐ-VKS ngày 29/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thuyện P, tỉnh B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Vụ án bị hủy do vi phạm nhiêm trọng thủ tục tố tụng nên cấp phúc thẩm không xem xét kháng cáo, kháng nghị về phần nội dung vụ án.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án. Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích N và Kháng nghị số: 267/QĐ-VKS ngày 29/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh B.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích N mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu Số: 0011427 ngày 04/5/2022; 0011451, 0011452 và 0011453 ngày 13/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thắm **Lê văn Duy** **Võ Công Phương**

THÀNH VIÊN HĐXXTHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm Phan Minh DũngVõ Công Phương